TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2022/HSST.
Ngày 05/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Đình Quảng
2. Bà Nguyễn Thị Tài

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Trần Thu Trang - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Hội trường Toà án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2021/HSST ngày 23/11/2021, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/HSST-QĐ ngày 22/12/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 tại Sơn La.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 4, Phường 1, thành phố B, tỉnh L. Chỗ ở: Thôn 04, xã L, huyện B, tỉnh L; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ văn hoá: lớp 11/12; Con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D (Chết); Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Vợ : Bị cáo sống như vợ chồng với chị Lục Thạch Ngọc H, sinh năm: 1991 tại thôn 4, xã L, huyện B nhưng không đăng ký kết hôn; Con: có 01 người con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 15/HSST ngày 10/6/1991 bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội *"Trộm cắp tài sản công dân"*; tại bản án số 37/HSST ngày 23/12/1991 bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S xử phạt 18 tháng tù giam về tội *"Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa"*; tại bản án số 33/HSST ngày 11/11/1994 bị Tòa án nhân dân tỉnh S xử phạt 08 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản công dân và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Ngày 23/6/1995, Toà phúc thẩm

Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm xử phạt 06 năm tù giam về tội *"Trộm cắp tài sản công dân và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; tại bản án 44/2009/HSST ngày 14/4/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S xử phạt 08 năm tù giam về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Ngày 18/09/2002 bị Ủy ban nhân dân tỉnh S ra quyết định số 2697 về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời gian 24 tháng; Ngày 12/06/2007 bị Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh S ra quyết định số 448/QĐ-UBND về việc đưa người tái nghiện ma túy vào chữa trị, giáo dục, lao động tại trung tâm giáo dục - Lao động thành phố S tỉnh S, thời gian 12 tháng; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh L. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ là đối tượng nghiện ma túy. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 16 giờ ngày 27/6/2021, bị cáo Nguyễn Văn Đ đến khu vực đường tránh Quốc lộ 20 thuộc địa phận xã L, thành phố B mua của một đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch 01 gói ma túy với giá 1.200.000 đồng mang về nhà mình thuê tại thôn 4, xã L, huyện B chia thành 02 gói nhỏ, cất giấu để sử dụng dần.

Vào lúc 16 giờ 00 ngày 29/6/2021, tại nhà của Nguyễn Văn Đ thuê ở thôn 4, xã L, huyện B, Công an huyện B phối hợp với Công an xã L kiểm tra hành chính phát hiện Nguyễn Văn Đ đang tàng trữ 01 gói nilon màu trắng, viền màu đỏ, kích thước 6,3x4cm, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục được cất giấu trong ngăn thứ 3 bên phải từ dưới lên của tủ đựng quần áo và 01 gói giấy màu trắng, kích thước 1,5x2,2cm, bên trong chứa chất bột màu trắng được để trên giường ngủ của Đông, lực lượng Công an đã thu giữ và niêm phong gửi giám định.

Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKSBL ngày 23/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Bị cáo trình bày: Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và thừa nhận 01 gói nilon và 01 gói giấy màu trắng là ma túy do bị cáo tàng trữ với mục đích sử dụng cá nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1

Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 04 đến 05 năm tù.

Về vật chứng:

- 01 phong bì đựng bao gói vật chứng trước giám định, 01 phong bì đựng mẫu còn lại sau giám định 3,4746 gam và 01 cân điện tử màu đen không còn giá trị nên đề nghị tịch thu tiêu huỷ.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đồng, loại Galaxy Note 20, số seri RF8R21GZLAV bên trong có chứa 02 sim là 0868281272 và 0909474719 là tài sản riêng của bị cáo nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đã hối hận về hành vi tái nghiện của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để được hòa nhập vào cộng đồng xã hội.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Đông là người nghiện ma túy, mua ma túy về tàng trữ và sử dụng dần. Cụ thể, vào khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 29/6/2021, Công an huyện B và Công an xã L kiểm tra tại nhà trọ của Đông ở thôn 4, xã L, huyện B phát hiện Nguyễn Văn Đ đang tàng trữ 01 gói nilon màu trắng, viền màu đỏ, kích thước 6,3x4cm, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục được cất giấu trong ngăn thứ 3 bên phải từ dưới lên của tủ đựng quần áo và 01 gói giấy màu trắng, kích thước 1,5x2,2cm, bên trong chứa chất bột màu trắng để trên giường ngủ. Bị cáo Nguyễn Văn Đ thừa nhận 01 gói nilon và 01 gói giấy là ma túy do mình tàng trữ với mục đích sử dụng cá nhân. Theo bản kết luận giám định số 859/GĐ-PC09 ngày 05/7/2021 của Phòng kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: Mẫu cục bột được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,7530g *(ba phẩy bảy năm ba không gam)*, loại Heroine.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, các người làm chứng, vật chứng và các chứng khác đã được thẩm tra tại phiên toà, phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo có khối lượng 3,7530g *(ba phẩy bảy năm ba không gam)*, loại Heroine. Đây là chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội, chỉ sử dụng các chất này trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền.

[2.2] Như vậy, có đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma tuý, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Nếu không phát hiện kịp thời sẽ làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Bản thân bị cáo nhận thức được ma tuý là chất độc hại, một loại hàng đặc biệt do nhà nước độc quyền quản lý, bất kỳ ai vi phạm đến ma tuý, tuỳ tính chất mức độ đều bị xử lý nghiêm bằng luật hình sự nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Điều đó cho thấy bản thân bị cáo rất coi thường pháp luật.

Để trừng trị nghiêm khắc hành vi phạm tội, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật nên cần phải xét xử và áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[2.3] Hội đồng xét xử đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo tự khai báo về hành vi phạm tội của mình và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình và gia đình bị cáo có công với cách mạng. Vì vậy, áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân rất xấu.

[2.4] Từ những phân tích trên, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và để răn đe, phòng ngừa chung.

Trong vụ án, đối tượng bán ma túy cho Nguyễn Văn Đ có dấu hiệu của tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* tuy nhiên không xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về vật chứng:

- 01 phong bì đựng bao gói vật chứng trước giám định, 01 phong bì đựng mẫu còn lại sau giám định 3,4746 gam và 01 cân điện tử màu đen xét không còn giá trị nên tịch thu tiêu huỷ.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đồng, loại Galaxy Note 20, số seri RF8R21GZLAV bên trong có chứa 02 sim là 0868281272 và 0909474719 xét không có cơ sở bị báo dùng để làm công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 04 *(Bốn)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 29/6/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì đựng bao gói vật chứng trước giám định, 01 phong bì đựng mẫu còn lại sau giám định 3,4746 gam và 01 cân điện tử màu đen.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đồng, loại Galaxy Note 20, số seri RF8R21GZLAV bên trong có chứa 02 sim là 0868281272 và 0909474719.

(Tất cả vật chứng nêu trên cơ quan Điều tra chuyển giao cho Chi cục THADS huyện B lưu giữ ngày 25/11/2021).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh L.
- VKS tỉnh L.
- VKS huyện B
- Bị cáo, và những người tham gia tố tụng.
- Chi cục THADS huyện B.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Văn Biên